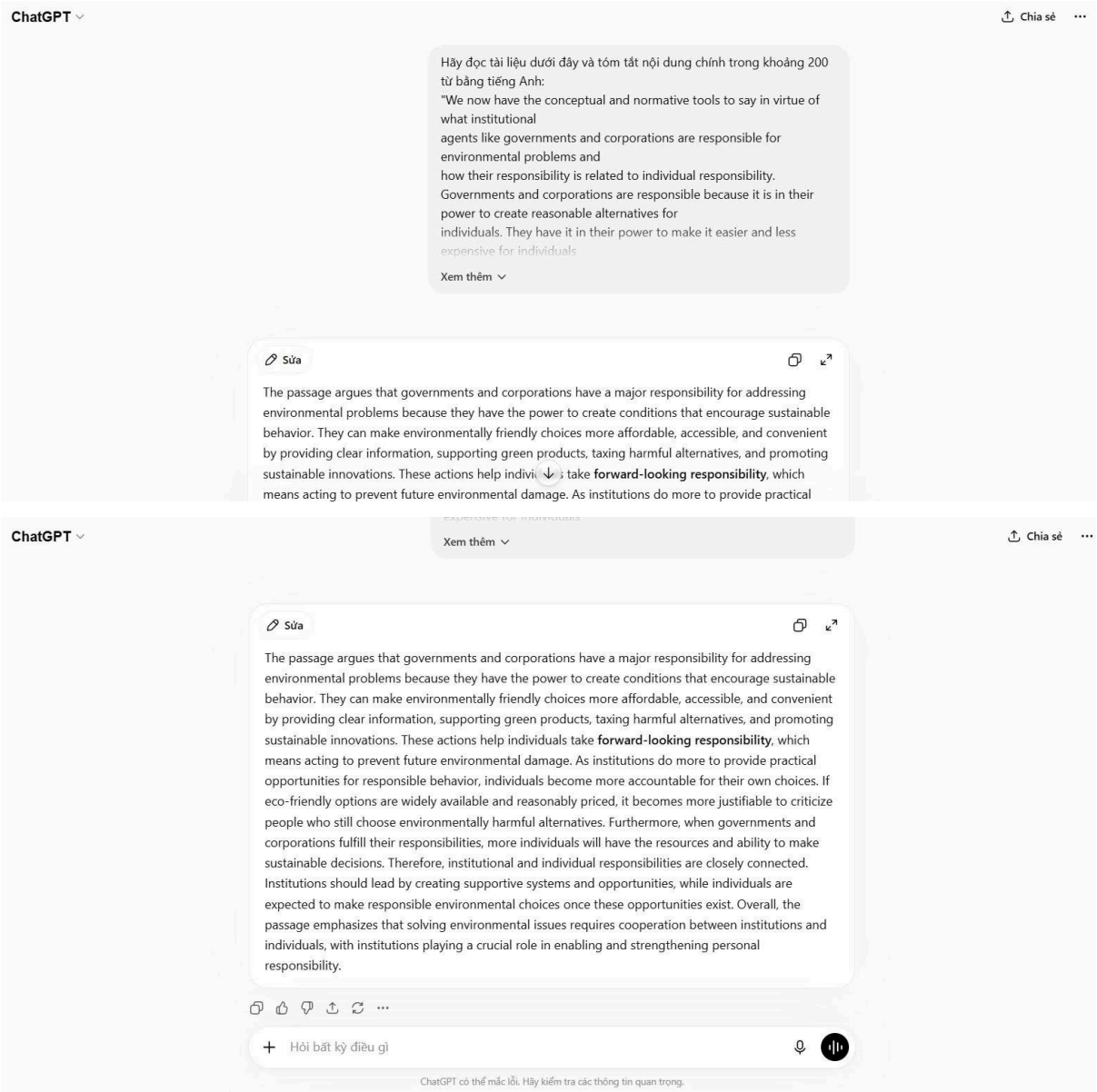
BÁO CÁO BÀI TẬP VIẾT PROMPT HIỆU QUẢ CHO CÁC TÁC VỤ HỌC TẬP

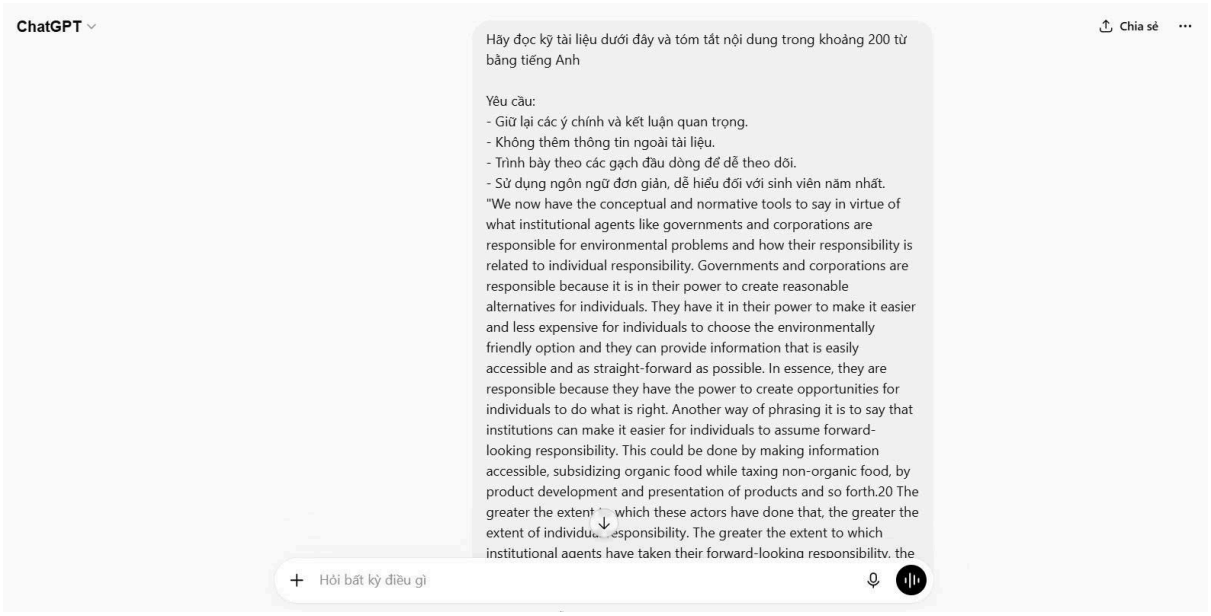
1. Thiết kế prompt và thử nghiệm cho từng tác vụ:

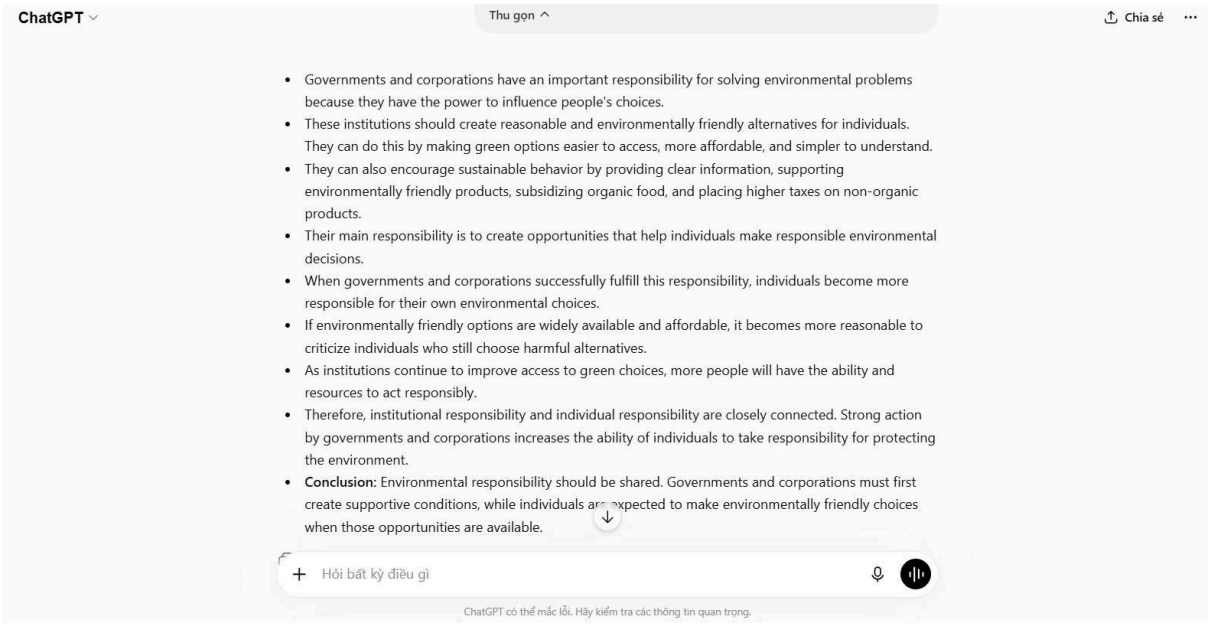
1.1. Tác vụ 1: Tóm tắt một bài đọc/tài liệu học thuật

1.1.1. Prompt cơ bản



1.1.2. Prompt cải tiến





1.1.3. Prompt nâng cao

ChatGPT

Chia sẻ

Bạn là một giảng viên đại học có kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên đọc hiểu tài liệu học thuật.

Nhiệm vụ của bạn là đọc tài liệu dưới đây và tạo một bản tóm tắt phục vụ việc ôn tập.

Thực hiện theo các bước sau:
1. Xác định chủ đề chính của tài liệu.
2. Liệt kê từ 3–5 ý quan trọng nhất.
3. Viết bản tóm tắt trong khoảng 150–200 từ bằng ngôn ngữ đơn giản nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác.
4. Kết thúc bằng mục "Những điều cần ghi nhớ" gồm 3 ý ngắn gọn.

Ví dụ về định dạng đầu ra:
- Chủ đề:
- Ý chính:
+ Ý 1:
+ Ý 2:

- Bản tóm tắt:

- Những điều cần ghi nhớ:
+ Điều 1:
+ Điều 2:
Tất cả các bước đ[illegible]hực hiện bằng tiếng Anh

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.

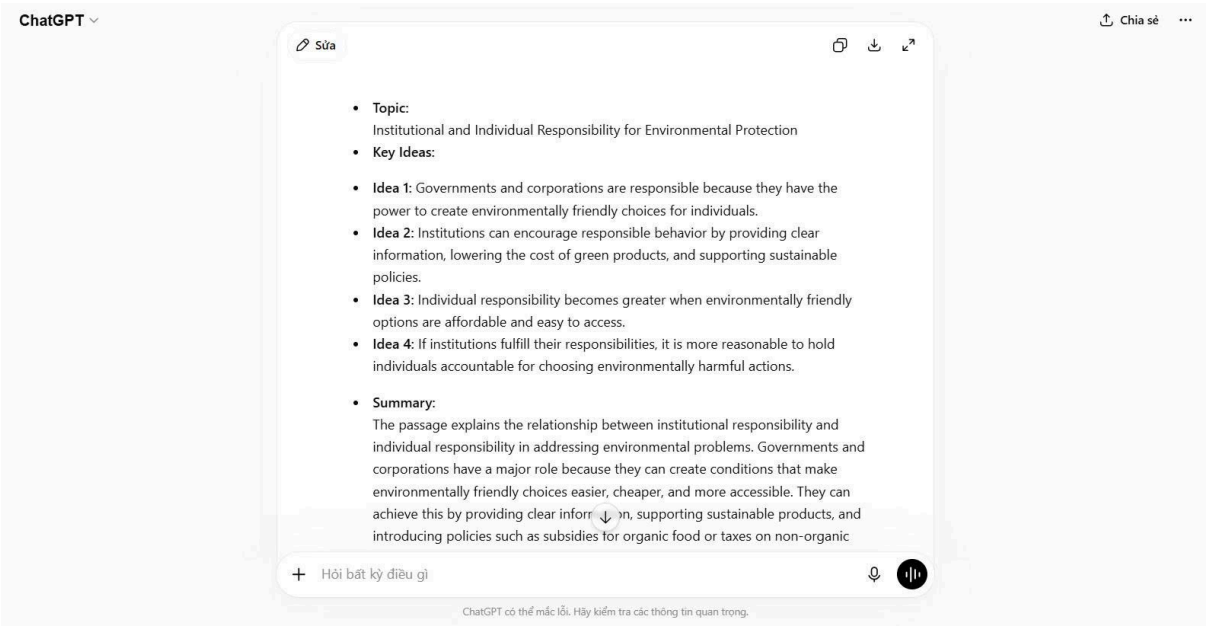
ChatGPT

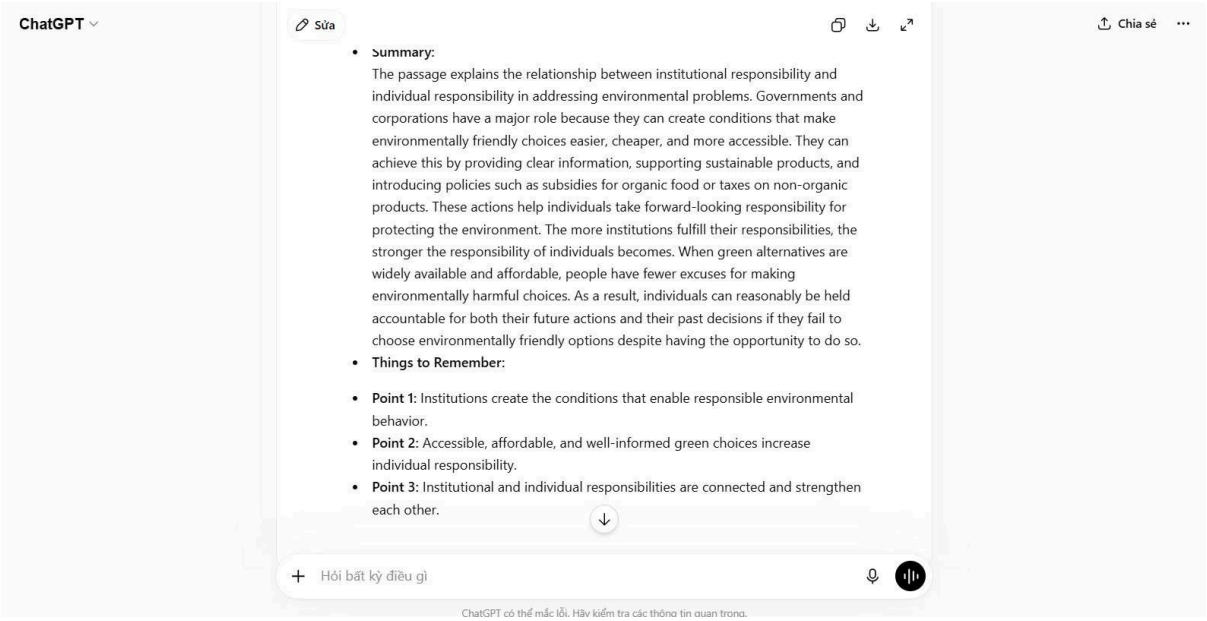
Chia sẻ

Bây giờ hãy thực hiện với tài liệu dưới đây:
"We now have the conceptual and normative tools to say in virtue of what institutional agents like governments and corporations are responsible for environmental problems and how their responsibility is related to individual responsibility. Governments and corporations are responsible because it is in their power to create reasonable alternatives for individuals. They have it in their power to make it easier and less expensive for individuals to choose the environmentally friendly option and they can provide information that is easily accessible and as straight-forward as possible. In essence, they are responsible because they have the power to create opportunities for individuals to do what is right. Another way of phrasing it is to say that institutions can make it easier for individuals to assume forward-looking responsibility. This could be done by making information accessible, subsidizing organic food while taxing non-organic food, by product development and presentation of products and so forth.20 The greater the extent to which these actors have done that, the greater the extent of individual responsibility. The greater the extent to which institutional agents have taken their forward-looking responsibility, the greater the extent to which it is reasonable to ascribe both backward-looking and forwardlooking responsibility to individuals when they do not choose the environmentally friendly option. First, the greater the availability and affordability of good options, the more reasonable it is to blame those individuals who still do not adjust their behavior. Second, the greater the extent to which, e.g., governments have assumed their res[illegible]sibility, the larger the group of individuals with enough capacity and resources to assume their forwardlooking

Hỏi bất kỳ điều gì

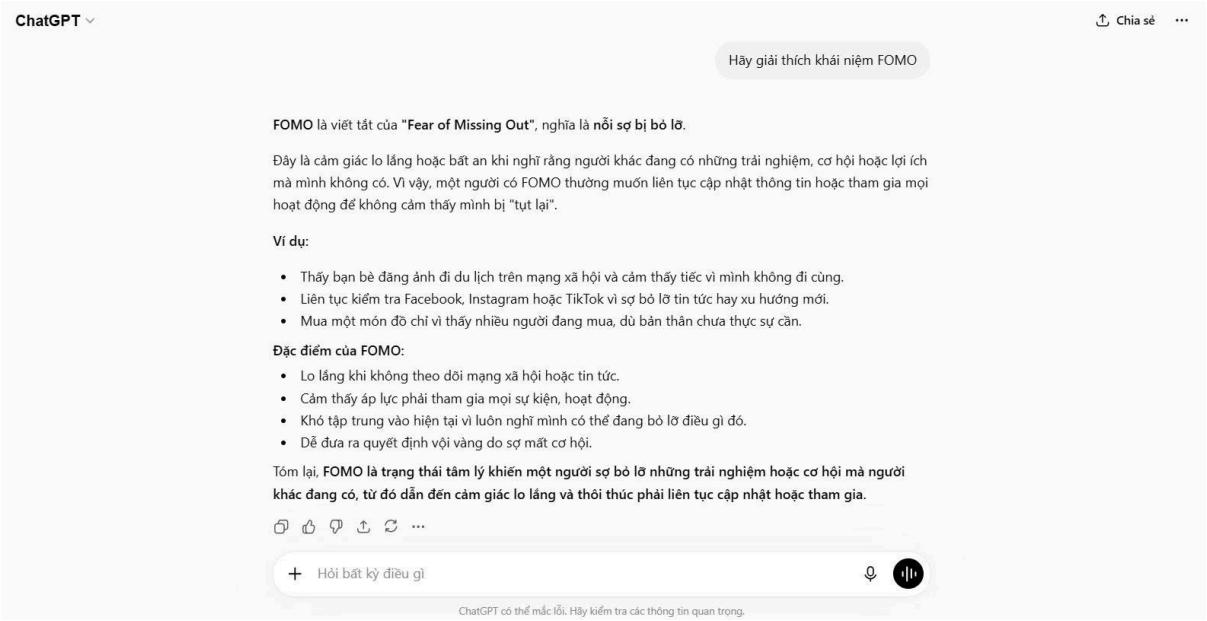
ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.





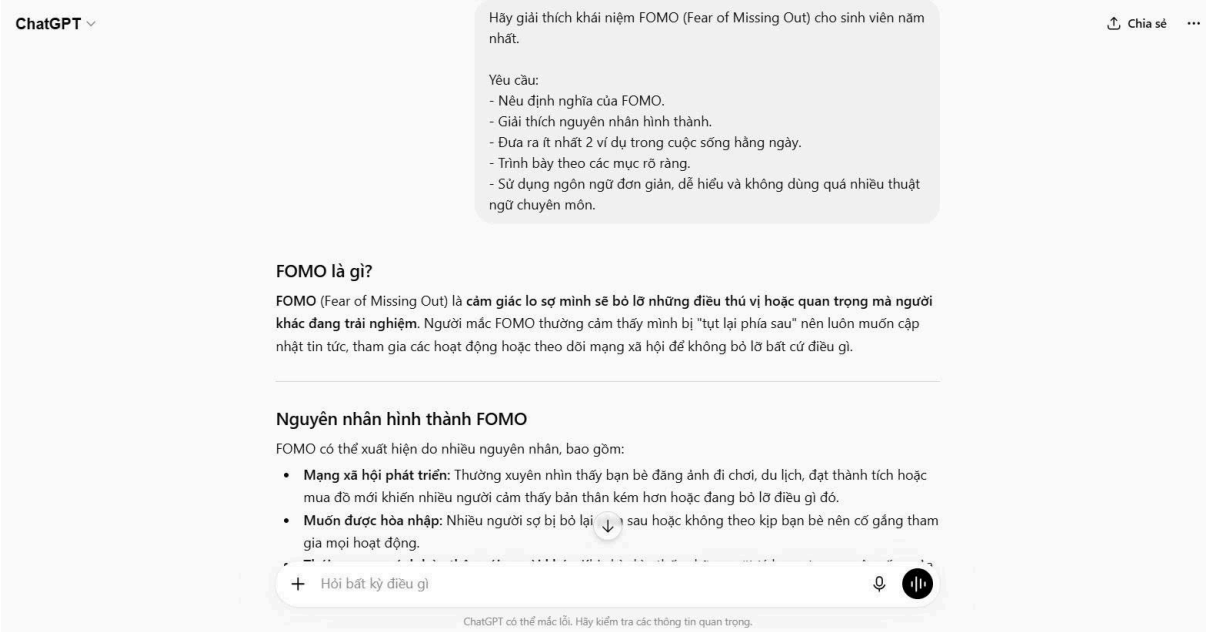
1.2. Tác vụ 2: Giải thích một khái niệm phức tạp

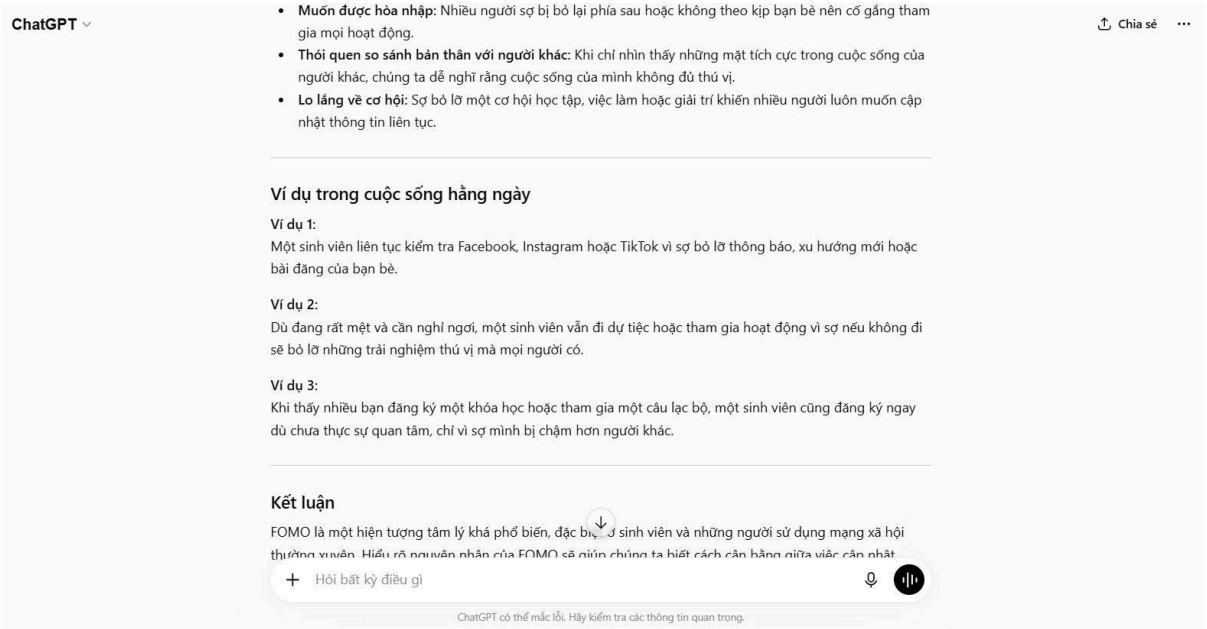
1.2.1. Prompt cơ bản

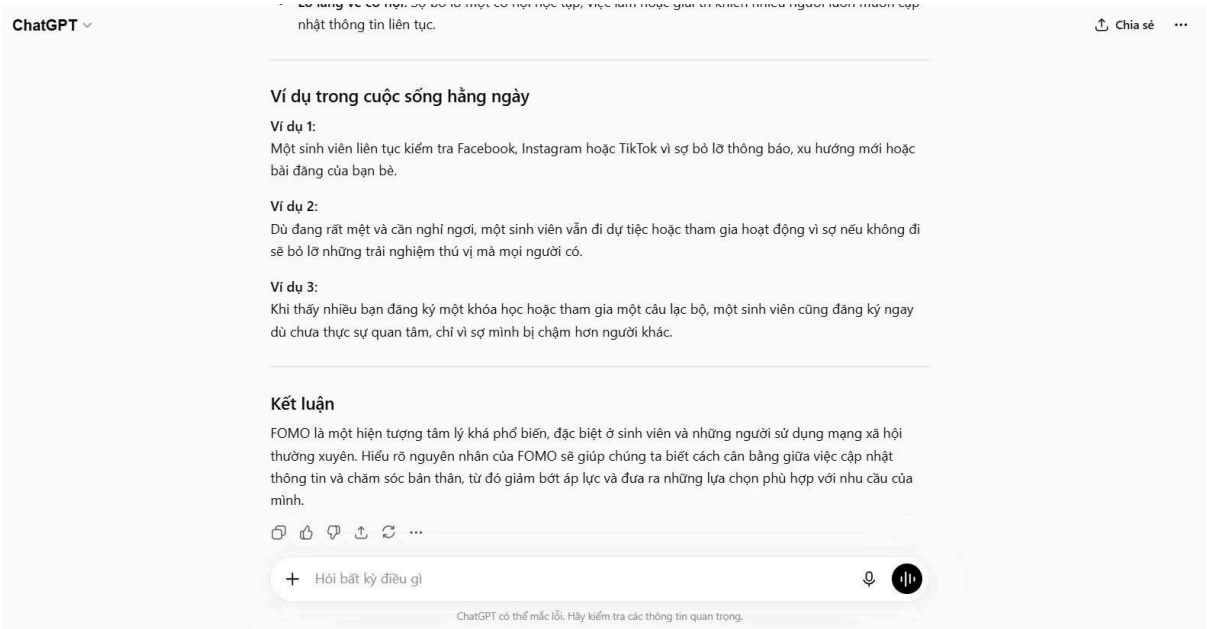


1.2.2. Prompt cải tiến

IV. So sánh kết quả







1.2.3. Prompt nâng cao

ChatGPT

Chia sẻ

Bạn là một giảng viên môn Tâm lý học dành cho sinh viên đại học.

Hãy giải thích khái niệm FOMO (Fear of Missing Out) theo cách dễ hiểu đối với người chưa có kiến thức nền về tâm lý học.

Thực hiện theo các bước sau:
1. Đưa ra định nghĩa ngắn gọn về FOMO.
2. Giải thích nguyên nhân khiến FOMO xuất hiện.
3. Phân tích ảnh hưởng của FOMO đến việc học tập, sức khỏe tinh thần và các mối quan hệ.
4. Đưa ra 2–3 ví dụ thực tế trong đời sống hoặc trên mạng xã hội.
5. Đề xuất một số cách giúp giảm hoặc kiểm soát FOMO.
6. Kết thúc bằng phần "Những điều cần ghi nhớ" gồm 3 ý chính.

Định dạng đầu ra:

+ Khái niệm:

+ Nguyên nhân:

+ Ảnh hưởng:

+ Ví dụ:
+ Cách khắc phục:
+ Những điều cần ghi nhớ:

Thu gọn

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.

ChatGPT

Chia sẻ

- **Khái niệm:**

FOMO (Fear of Missing Out) là cảm giác lo lắng hoặc sợ rằng mình đang bỏ lỡ những trải nghiệm, cơ hội hoặc thông tin quan trọng mà người khác đang có. Cảm giác này thường xuất hiện khi nhìn thấy bạn bè hoặc người quen chia sẻ cuộc sống, thành tích hay hoạt động trên mạng xã hội, khiến một người cảm thấy mình kém may mắn hoặc bị bỏ lại phía sau.

- **Nguyên nhân:**
- **Mạng xã hội phát triển mạnh:** Việc liên tục nhìn thấy hình ảnh về những chuyến du lịch, thành tích hay cuộc vui của người khác dễ tạo cảm giác mình đang bỏ lỡ điều gì đó.
- **Nhu cầu được công nhận và hòa nhập:** Con người thường muốn được thuộc về một nhóm và được người khác ghi nhận.
- **Thói quen so sánh bản thân với người khác:** Khi chỉ nhìn vào những mặt tích cực mà người khác chia sẻ, nhiều người dễ đánh giá thấp cuộc sống của chính mình.
- **Lo sợ mất cơ hội:** Một số người luôn muốn tham gia mọi hoạt động vì sợ nếu bỏ lỡ sẽ hối tiếc hoặc kém hơn người khác.

- **Ảnh hưởng:**

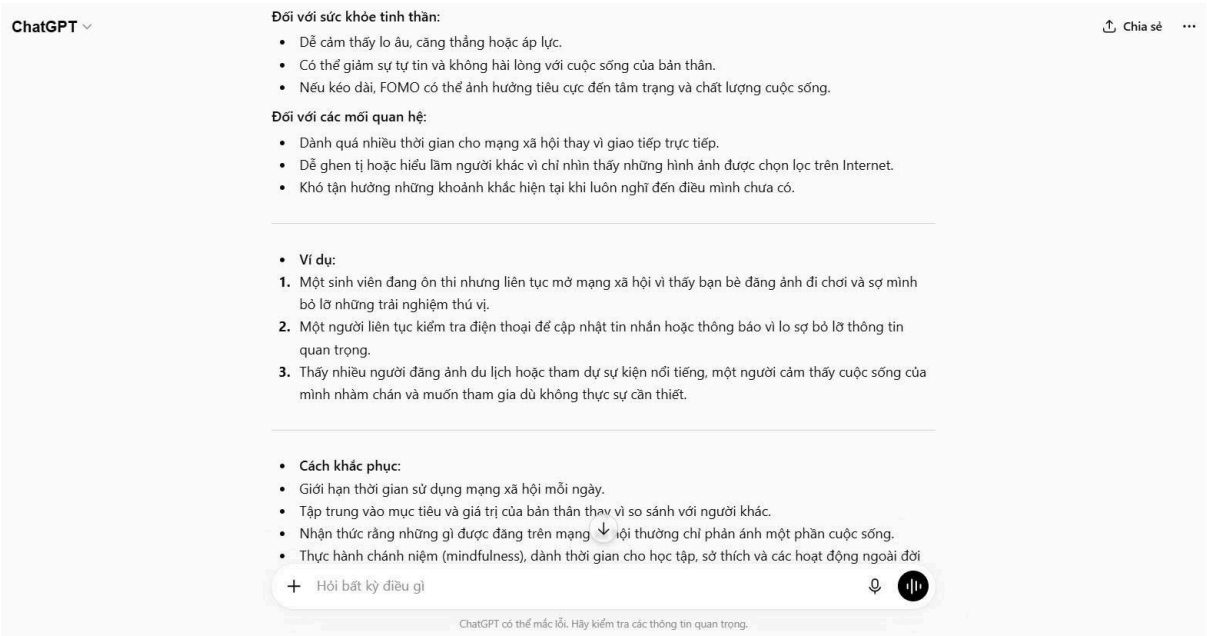
Đối với việc học tập:

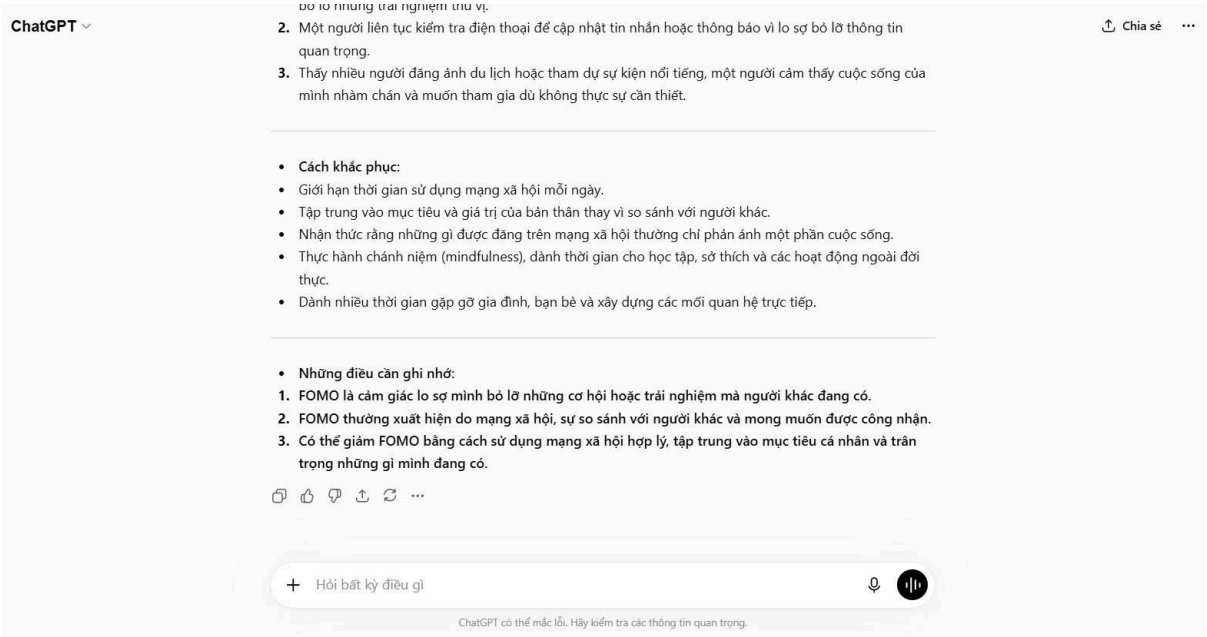
- Khó tập trung do thường xuyên kiểm tra điện thoại hoặc mạng xã hội.
- Giảm hiệu quả học tập vì bị phân tâm và mất nhiều thời gian vào các hoạt động trực tuyến.

Đối với sức khỏe tinh thần:

Hỏi bất kỳ điều gì

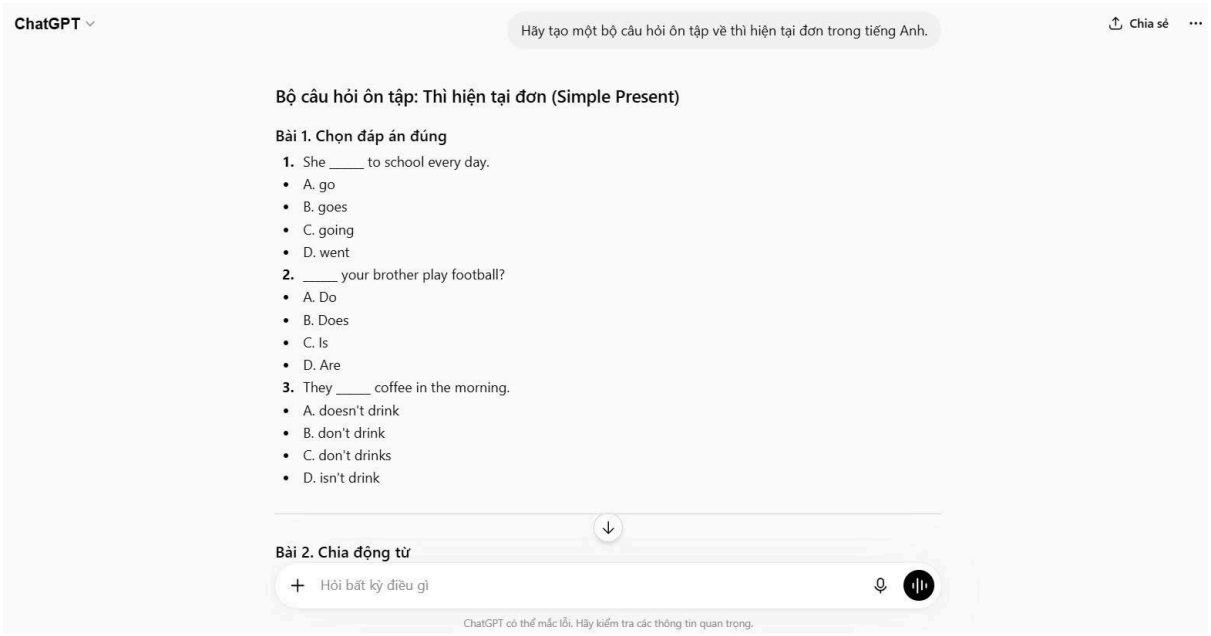
ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.

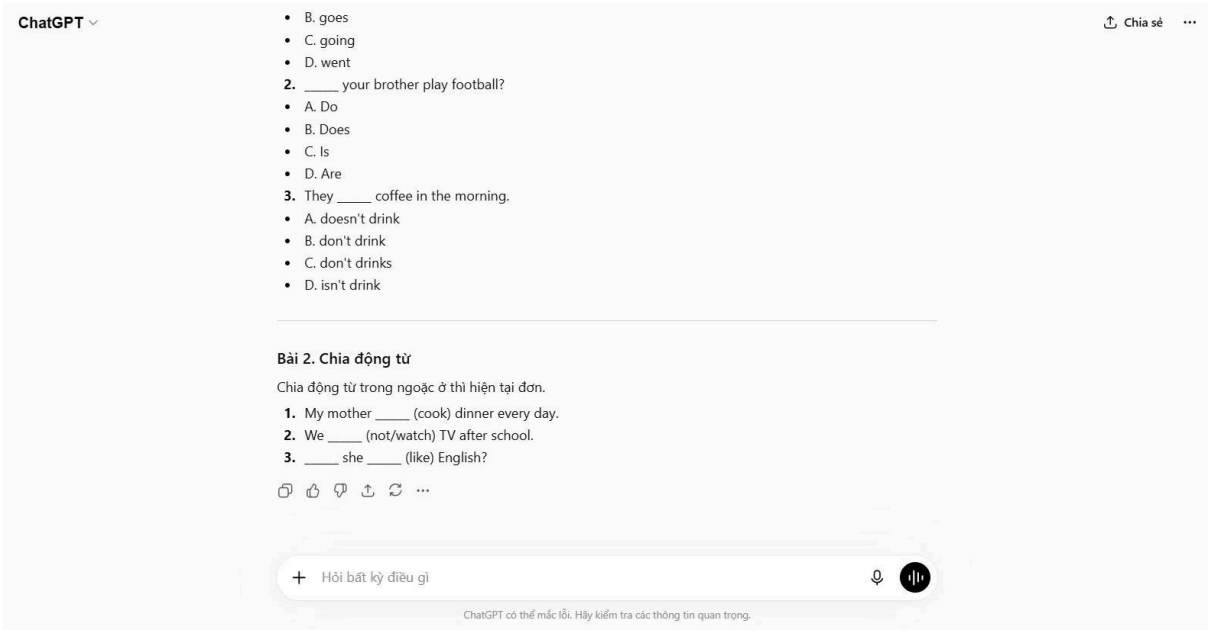




1.3. Tác vụ 3: Tạo bộ câu hỏi ôn tập cho một chủ đề

1.3.1. Prompt cơ bản





1.3.2. Prompt cải tiến

ChatGPT

Chia sẻ

Hãy tạo một bộ câu hỏi ôn tập về thì hiện tại đơn trong tiếng Anh dành cho học sinh THPT.

Yêu cầu:
- Tạo 10 câu hỏi, gồm 5 câu trắc nghiệm và 5 câu tự luận.
- Nội dung bao gồm: công thức, cách dùng, dấu hiệu nhận biết và cách chia động từ.
- Cung cấp đáp án cho tất cả các câu hỏi.
- Trình bày rõ ràng theo từng phần.

Bộ câu hỏi ôn tập: Thì hiện tại đơn (Simple Present) – THPT

Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm (5 câu)

Câu 1. Công thức đúng của câu khẳng định với chủ ngữ *He/She/It* là:

- A. S + V
- B. S + V-ing
- C. S + V(s/es)
- D. S + will + V

Đáp án: C

Câu 2. Thì hiện tại đơn thường được dùng để diễn tả

- A. Hành động đang diễn ra ngay lúc nói.

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.

ChatGPT

Chia sẻ

Câu 2. Thì hiện tại đơn thường được dùng để diễn tả:

- A. Hành động đang diễn ra ngay lúc nói.
- B. Hành động đã xảy ra trong quá khứ.
- C. Thói quen hoặc sự thật hiển nhiên.
- D. Kế hoạch trong tương lai.

Đáp án: C

Câu 3. Từ nào dưới đây là dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn?

- A. Yesterday
- B. Now
- C. Every day
- D. Tomorrow

Đáp án: C

Câu 4. Chọn động từ đúng:

> My brother _____ to school by bus every day.

- A. go
- B. goes
- C. going
- D. went

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.

ChatGPT

Chia sẻ

Câu 5. Câu nào đúng ngữ pháp?

- A. She don't like coffee.
- B. She doesn't likes coffee.
- C. She doesn't like coffee.
- D. She not like coffee.

Đáp án: C

Phần II. Câu hỏi tự luận (5 câu)

Câu 6. Viết công thức của thì hiện tại đơn ở dạng:

- Khẳng định
- Phủ định
- Nghi vấn

Đáp án:

- Khẳng định: S + V(s/es)
- Phủ định: S + do/does not + V
- Nghi vấn: Do/Does + S + V?

Câu 7. Nêu ít nhất **3 cách dùng** của thì hiện tại đơn.

Đáp án:

- Diễn tả thói quen, hoạt động lặp lại.

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.

ChatGPT

Chia sẻ

- Diễn tả thói quen, hoạt động lặp lại.
- Diễn tả sự thật hiển nhiên hoặc chân lý.
- Diễn tả lịch trình, thời gian biểu cố định.

Câu 8. Liệt kê ít nhất **5 dấu hiệu nhận biết** của thì hiện tại đơn.

Đáp án (ví dụ):

- Always
- Usually
- Often
- Sometimes
- Every day (có thể thay bằng: every week, every month, never...)

Câu 9. Chia động từ trong ngoặc:

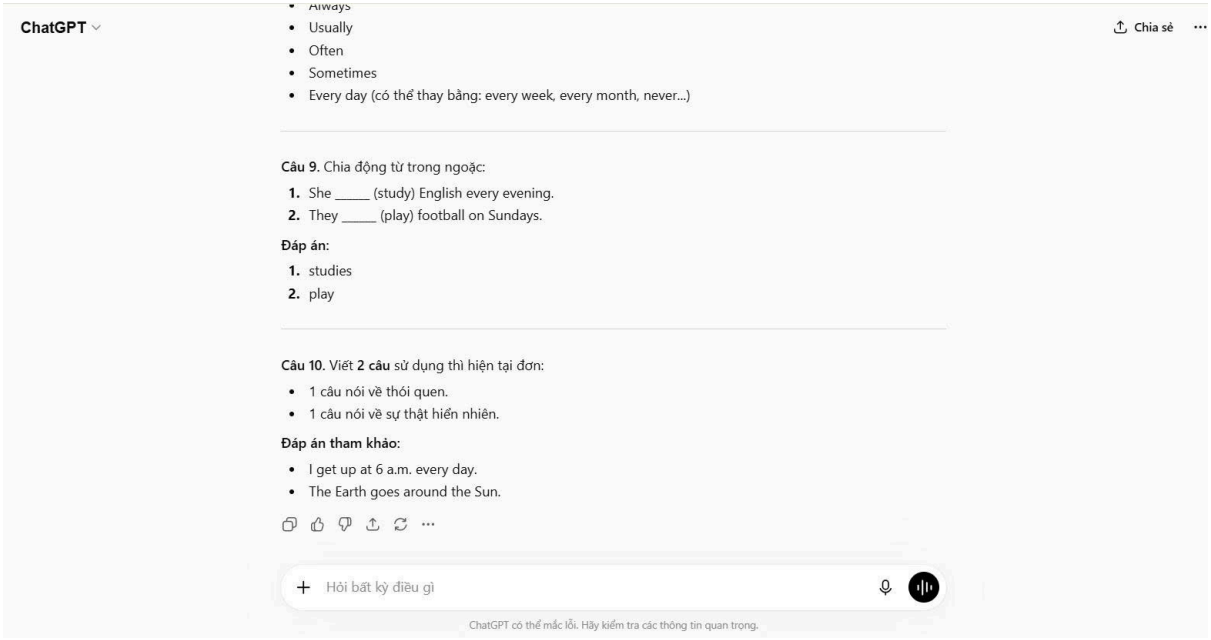
1. She _____ (study) English every evening.
2. They _____ (play) football on Sundays.

Đáp án:

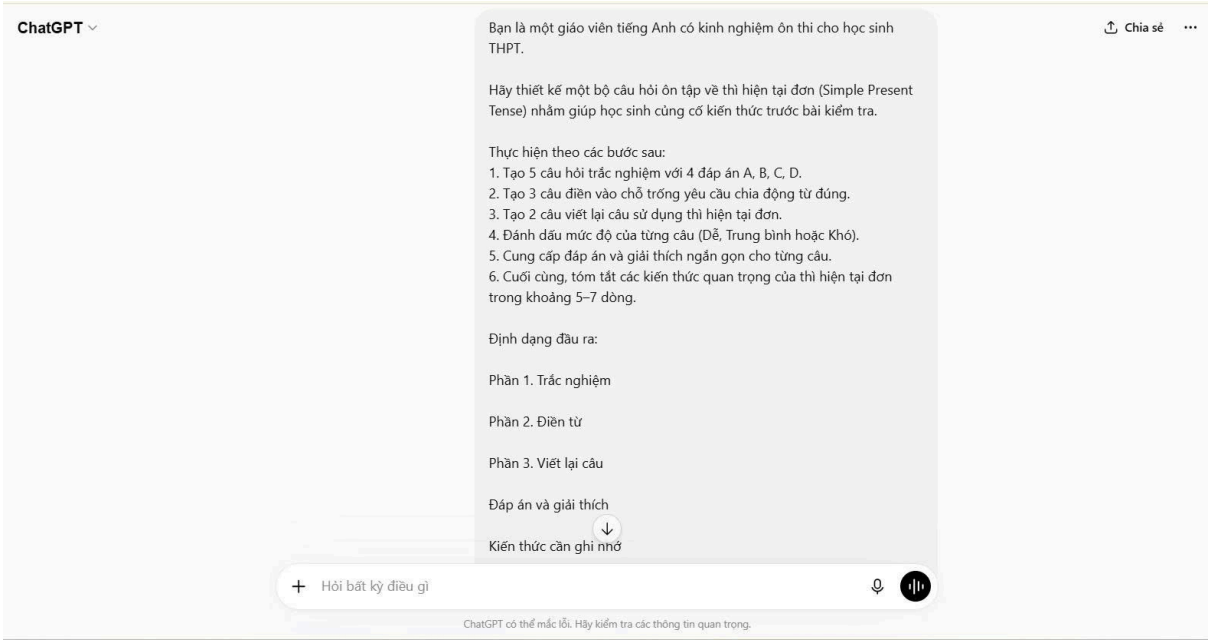
1. studies
2. play

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.



1.3.3. Prompt nâng cao



ChatGPT

Chia sẻ

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1 (Dễ): Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu:
My sister ____ to school by bus every day.

- A. go
- B. goes
- C. going
- D. went

Câu 2 (Dễ): Chọn câu đúng.

- A. They plays football every Sunday.
- B. They play football every Sunday.
- C. They playing football every Sunday.
- D. They played football every Sunday.

Câu 3 (Trung bình): Chọn đáp án đúng.
She ____ coffee because she doesn't like it.

- A. don't drink
- B. doesn't drinks
- C. doesn't drink
- D. not drink

Câu 4 (Trung bình): Dấu hiệu nào thường được dùng với thì hiện tại đơn?

- A. Yesterday
- B. Right now
- C. Every morning
- D. Tomorrow

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.

ChatGPT

Chia sẻ

Câu 5 (Khó): Chọn câu hỏi đúng.

- A. Do she like English?
- B. Does she likes English?
- C. Does she like English?
- D. Is she like English?

Phần 2. Điền từ

Câu 6 (Dễ): Tom _____ (study) English every evening.

Câu 7 (Trung bình): My parents _____ (not/watch) TV after 10 p.m.

Câu 8 (Khó): _____ your brother _____ (go) to work by train every day?

Phần 3. Viết lại câu

Câu 9 (Trung bình): Viết lại câu phủ định:

> She likes chocolate.

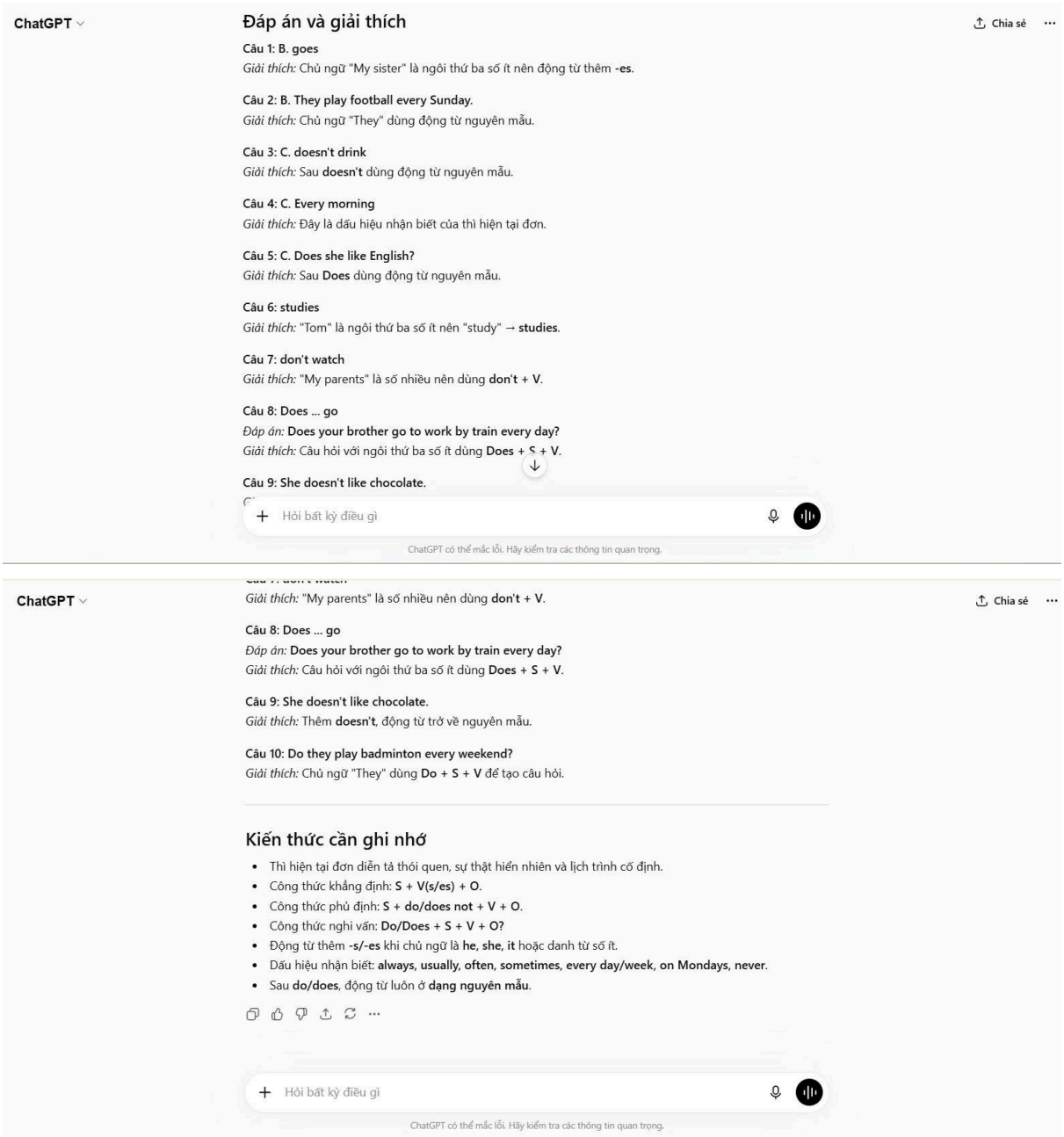
.....

Câu 10 (Khó): Viết lại thành câu hỏi:

> They play badminton every weekend.

Hỏi bất kỳ điều gì

ChatGPT có thể mắc lỗi. Hãy kiểm tra các thông tin quan trọng.



2. Bảng so sánh

Tiêu chí	Prompt cơ bản	Prompt cải tiến	Prompt nâng cao
Độ đầy đủ nội dun	Chỉ đáp ứng yêu cầu tối thiểu	Đầy đủ hơn	Toàn diện, ít bỏ sót thông tin
Tính logic	Chưa ổn định	Có bố cục rõ ràng	Mạch lạc, có cấu trúc khoa học
Mức độ phù hợp	Khá chung chung	Phù hợp hơn với yêu cầu	Đúng đối tượng người học

Ví dụ minh họa	Ít hoặc không có	Có bổ sung ví dụ	Ví dụ phong phú, dễ hiểu
Khả năng sử dụng	Cần chỉnh sửa thêm	Có thể sử dụng ngay	Hầu như không cần chỉnh sửa

3. Nhận xét

- Qua quá trình thử nghiệm, em nhận thấy sự khác biệt rõ rệt giữa ba mức độ prompt.
- Nếu prompt cơ bản thường cho kết quả đúng nhưng còn chung chung và thiếu cấu trúc thì prompt cải tiến giúp AI hiểu rõ yêu cầu hơn nên nội dung đầy đủ và dễ theo dõi hơn.
- Đặc biệt là prompt nâng cao đã tạo ra kết quả có chất lượng cao nhất, đáp ứng tốt cả về nội dung, cách trình bày và mức độ phù hợp với mục tiêu học tập.

4. Phân tích hiệu quả của Prompt Engineering

- Kết quả thử nghiệm cho thấy chất lượng đầu ra của AI không chỉ phụ thuộc vào mô hình AI mà còn phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của prompt.
- Trước hết, việc bổ sung ngữ cảnh giúp AI xác định đúng phạm vi trả lời, từ đó giảm các thông tin không liên quan.
- Không chỉ có vậy, việc quy định rõ định dạng đầu ra, như gạch đầu dòng, bảng, số lượng câu hỏi,... giúp kết quả có tính nhất quán và dễ sử dụng hơn.
- Bên cạnh đó, kỹ thuật Role Prompting giúp AI "đóng vai" một chuyên gia hoặc giảng viên, từ đó lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với người học.
- Tuy nhiên, prompt quá dài hoặc chứa nhiều yêu cầu không cần thiết cũng có thể khiến AI tập trung kém vào mục tiêu chính, nên vì vậy, điều quan trọng không chỉ là viết prompt dài mà là viết prompt rõ ràng và có chủ đích.

5. Nguyên tắc và mẹo viết prompt hiệu quả

- Từ quá trình thử nghiệm, em rút ra một số nguyên tắc sau:
    + Xác định rõ mục tiêu trước khi viết prompt.
    + Cung cấp đầy đủ bối cảnh cần thiết.
    + Chỉ rõ đối tượng người đọc hoặc người học.
    + Quy định định dạng đầu ra mong muốn.
    + Chia nhiệm vụ thành các bước nhỏ khi yêu cầu phức tạp.
    + Sử dụng Role Prompting khi muốn AI trả lời theo một vai trò cụ thể.
    + Sau mỗi lần thử nghiệm nên điều chỉnh prompt để cải thiện kết quả.